

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ CÔNG NGHỆ HÒA BÌNH XANH

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ CÔNG NGHỆ HÒA BÌNH XANH

Tên công ty viết bằng tiếng Anh: GREEN PEACE TRADING SERVICE AND TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GREEN PEACE TRADING CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0106974877

3. Ngày thành lập: 03/09/2015

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thị trấn 5, Xã Ninh Hải, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số điện thoại: 0965.176.686

Fax:

Email: maiha876@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Công nghiệp	2432
2.	Sản xuất dệt kim, vải an toàn và vải kỹ thuật Chi tiết: - Sản xuất gia công các sản phẩm vải len nhũ; + Vải nhung và vải bông, + Lưới trang trí các loại, vải an toàn Raschel và các loại khác; + Các loại vải bông an toàn khác; - Sản xuất sản phẩm dệt kim và dệt thoi vải ma lanh.	1321
3.	Sản xuất hàng may mặc (trừ trang phục)	1322
4.	Sản xuất trang phục dệt kim, an toàn	1430
5.	In ấn	1811
6.	Dịch vụ liên quan nhân sự	1812
7.	Kho bãi và logistics hàng hóa	5210
8.	Bán buôn hàng hóa (Kể cả bao gồm bán buôn và bán lẻ các ngành khác)	5224
9.	Dịch vụ lưu trữ hàng hóa Chi tiết: Kho chứa; Nhập khẩu, nhập hàng kinh doanh dịch vụ lưu trữ hàng hóa;	5510
10.	Bán buôn chuồng trại chăn nuôi gia súc và gia cầm Chi tiết: - Bán buôn chuồng trại nuôi gia súc; - Bán buôn sản phẩm; - Bán buôn phụ liệu chăn nuôi gia súc;	4669

11.	B n bu n t ng h p	4690
12.	B n l v i, len, s i, ch kh u v h ng d t kh c trong c c c a hàng chuyên doanh Chi ti t: - B n bu n v i; - B n bu n h ng ma m c;	4751(Chính)
13.	B n l i n gia d ng, gi ng, t , b n, gh v n i th t t ng t , n v b n i n, d ng gia nh kh c ch a c ph n v o u trong c c c a h ng chu n doanh Chi ti t: - B n l i n gia d ng, n v b n i n trong c c c a hàng chuyên doanh; - B n l gi ng, t , b n, gh v d ng n i th t t ng t trong c c c a h ng chu n doanh; - B n l d ng gia nh b ng g m, s , th tính trong c c c a h ng chu n doanh;	4759
14.	B n l h ng ma m c, gi d p, h ng da v gi da trong c c c a h ng chu n doanh Chi ti t: B n l h ng ma m c trong c c c a h ng chu n doanh	4771
15.	Nh h ng v c c d ch v n u ng ph c v l u ng Chi ti t: - Nh h ng, qu n n, h ng n u ng;	5610
16.	Cung c p d ch v n u ng theo h p ng kh ng th ng xu n v i kh ch h ng (ph c v ti c, h i h p, m c i...)	5621
17.	L p t m m c v thi t b c ng nghi p	3320
18.	X d ng nh c c lo i	4100
19.	X d ng c ng tr nh ng s t v ng b	4210
20.	X d ng c ng tr nh c ng ch	4220
21.	X d ng c ng tr nh k thu t d n d ng kh c	4290
22.	Ph d	4311
23.	Chu n b m t b ng	4312
24.	L p t h th ng i n	4321
25.	L p t h th ng c p, tho t n c, l s i v i u ho kh ng khí	4322
26.	Ho n thi n c ng tr nh x d ng	4330
27.	i l , m i gi i, u gi Chi ti t: i l ;	4610

28.	B n bu n m m c, thi t b v ph t ng m kh c Chi ti t: - B n bu n b n, gh , t v n ph ng; - B n bu n m m c, thi t b kh c ch a c ph n v o u s d ng cho s n xu t c ng nghi p, th ng m i, h ng h i v d ch v kh c; - B n bu n m m c c i u khi n b ng m vi t nh cho c ng nghi p d t ma ; - B n bu n m m c, thi t b v ph t ng m d t, ma , da giày;	4659
29.	B n l h ng d t, ma s n, gi d p l u ng ho c t i ch Chi ti t: B n l h ng ma s n l u ng ho c t i ch	4782
30.	V n t i h ng h a b ng ng b	4933
31.	D ch v ng g i (Kh ng bao g m sang chai ng g i thu c b o v th c v t)	8292
32.	Ho t ng d ch v h tr kinh doanh kh c c n l i ch a c ph n v o u Chi ti t: Xu t nh p kh u c c m t h ng c ng t kinh doanh;	8299
33.	Gi t l , l m s ch c c s n ph m d t v l ng th	9620
34.	Ho t ng h tr d ch v t i ch nh ch a c ph n v o u Chi ti t: - Ho t ng t v n u t (Kh ng bao g m t v n t i ch nh, t v n thu v t v n ph p l)	6619
35.	Ho t ng t v n qu n l Chi ti t: Ho t ng t v n qu n l (Kh ng bao g m c c d ch v t v n ph p l u t, t v n k to n, t v n thu , t v n ch ng kho n);	7020
36.	Qu ng c o	7310
37.	Nghi n c u th tr ng v th m d d lu n	7320
38.	D ch v h nh ch nh v n ph ng t ng h p	8211
39.	(i v i nh ng ng nh ngh kinh doanh c i u ki n, doanh nghi p ch ho t ng kinh doanh khi c i u ki n theo qu nh c a ph p l u t)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 1.250.000.000 VN

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ(%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	MAI V N H I	Thôn 1, Xã Nga Thị n, Hu n Nga S n, T nh Thanh Ho , Vi t Nam	500.000.000	40,00	171399786	
2	NGUY N THANH TÙNG	Xóm 5, Xã Ninh Hi p, Hu n Gia L m, Th nh ph H N i, Vi t Nam	750.000.000	60,00	011853700	

8. Người đại diện theo pháp luật:

H v t n: MAI V N H I

Gi i t nh: Nam

Ch c danh: Giám đốc

Ngày sinh: 10/08/1972

D n t c: Kinh

Qu c t ch: Việt Nam

Lo i gi ch ng th c c nh n: Chứng minh nhân dân

S gi ch ng th c c nh n: 171399786

Ng c p: 06/04/2011

N i c p: Công an Tỉnh Thanh Hóa

N i ng k h kh u th ng tr :

Thôn 1, Xã Nga Thiện, Huyện Nga Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Ch hi n t i:

Số nhà 78, Ngõ 467, Đường Lĩnh Nam, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Ph ng ng k kinh doanh Th nh ph H N i